

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH**  
**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**SÔNG ĐÀ 9**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	14 - 41

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100845515, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 09 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 09 là ngày 08 tháng 8 năm 2016.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 37683746

**Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:**

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, buro điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình;
- Khai thác mỏ, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy điện, nhà máy xi măng;
- Chế tạo và lắp đặt các cấu kiện cơ khí, xây dựng, phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy, các loại máy xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, xăng, dầu, mỡ, bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hoàng Cường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Công Tinh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Gia Hàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Đại	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Thế Quang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2016
Ông Lương Thế Lăng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thế Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Hải Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2016

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Thế Quang - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2016).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.



81  
NH  
NG  
SHIE  
AN  
A &  
I H  
ĐA



**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

  
  
Trần Thế Quang  
Ngày 06 tháng 3 năm 2018

	S / N / S	
	T / H / T	
	C / H / T	
	H / H / T	
	T / H / T	
	S / N / S	



**BAKER TILLY  
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 2.0176/18/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2018, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)**

---

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 06 tháng 3 năm 2017.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2018-008-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2018

**Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã	Thuyết	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>959.140.514.284</b>	<b>914.425.166.367</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>69.445.891.785</b>	<b>74.142.156.698</b>
1. Tiền	111		69.445.891.785	74.142.156.698
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>646.554.828.395</b>	<b>539.659.679.389</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	603.277.257.972	503.067.888.032
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	16.360.187.912	12.189.410.093
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.189.141.728	2.189.141.728
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	53.247.227.448	47.266.426.427
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(28.518.986.665)	(25.053.186.891)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>216.482.641.042</b>	<b>284.973.462.195</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	216.482.641.042	284.973.462.195
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.657.153.062</b>	<b>15.649.868.085</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	-	594.076.220
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.608.494.589	15.055.791.865
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	48.658.473	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>518.258.668.352</b>	<b>493.802.625.345</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.123.000.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.123.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>274.598.849.900</b>	<b>316.752.571.640</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	269.986.349.900	312.140.071.640
<i>Nguyên giá</i>	222		927.418.405.800	924.425.515.618
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(657.432.055.900)	(612.285.443.978)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.612.500.000	4.612.500.000
<i>Nguyên giá</i>	228		4.692.500.000	4.692.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(80.000.000)	(80.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>143.193.017.348</b>	<b>55.362.343.784</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	143.193.017.348	55.362.343.784
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>90.636.491.581</b>	<b>117.646.206.063</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		85.347.816.852	85.347.816.852
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		32.822.030.909	63.509.530.909
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(27.533.356.180)	(31.211.141.698)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.707.309.523</b>	<b>4.041.503.858</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	7.324.938.141	2.833.142.926
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	1.382.371.382	1.208.360.932
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.477.399.182.636</b>	<b>1.408.227.791.712</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>838.194.700.501</b>	<b>784.262.443.582</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>661.648.551.222</b>	<b>670.691.251.861</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	98.928.063.103	93.368.234.630
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	11.232.666.936	32.077.064.989
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.667.192.232	13.640.669.130
4. Phải trả người lao động	314		31.655.314.482	22.220.561.659
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4.173.954.448	5.829.726.351
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	5.625.235.792	6.386.983.834
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	500.784.296.184	488.454.567.666
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	4.581.828.045	8.713.443.602
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>176.546.149.279</b>	<b>113.571.191.721</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	10.702.391.746	286.233.925
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	143.315.652.957	89.087.373.037
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20	22.528.104.576	24.197.584.759
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

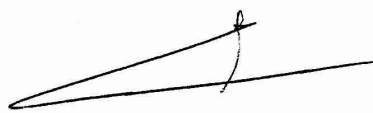
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>639.204.482.135</b>	<b>623.965.348.130</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>639.204.482.135</b>	<b>623.965.348.130</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.400.709.579	21.400.709.579
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		213.492.096.948	210.425.262.827
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.971.675.608	49.799.375.724
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.642.226.282	49.799.375.724
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.329.449.326	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.477.399.182.636</b>	<b>1.408.227.791.712</b>

Người lập biểu

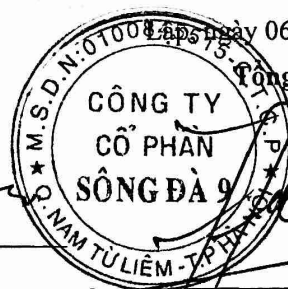


Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

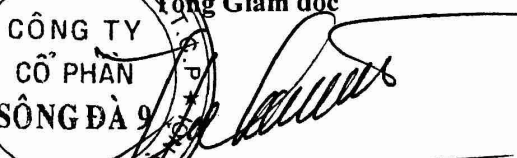


Quách Mạnh Hải



Lập ngày 06 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Trần Thế Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	620.633.599.922	435.858.642.027
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		620.633.599.922	435.858.642.027
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	510.396.838.718	340.974.966.975
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		110.236.761.204	94.883.675.052
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35.643.044.859	23.778.870.247
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	43.909.471.166	44.675.762.971
Trong đó: chi phí lãi vay	23		47.216.011.113	45.203.022.598
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	53.087.932.753	47.903.882.550
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.882.402.144	26.082.899.778
11. Thu nhập khác	31	VI.6	4.316.316.618	13.726.688.065
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.274.451.379	4.088.375.570
13. Lợi nhuận khác	40		2.041.865.239	9.638.312.495
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.924.267.383	35.721.212.273
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	8.768.828.507	5.226.881.510
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(174.010.450)	(174.010.450)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.329.449.326	30.668.341.213
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu



Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

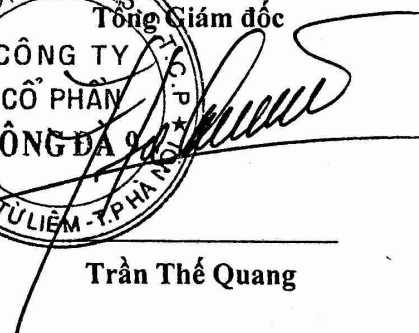


Quách Mạnh Hải

Lập ngày 06 tháng 3 năm 2018



Tổng Giám đốc



Trần Thế Quang



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50.924.267.383	35.721.212.273
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	45.146.611.922	56.304.186.746
- Các khoản dự phòng	03		(1.881.465.927)	22.028.353.183
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(64.827.169)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(35.531.045.585)	(23.280.315.150)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	47.216.011.113	45.203.022.598
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		105.809.551.737	135.976.459.650
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(115.664.711.546)	(9.291.942.899)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		68.490.821.153	(35.551.067.412)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.439.503.645)	(23.706.606.622)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.897.718.995)	(2.381.035.242)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(47.157.076.768)	(45.219.478.068)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(9.497.989.782)	(3.113.810.777)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	754.279.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(7.198.449.678)	(4.836.204.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(15.555.077.524)</b>	<b>12.630.593.630</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(96.216.856.938)	(58.534.869.654)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	9.431.960.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		52.301.736.400	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.327.486.905	13.220.626.124
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(31.587.633.633)</b>	<b>(35.882.282.621)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

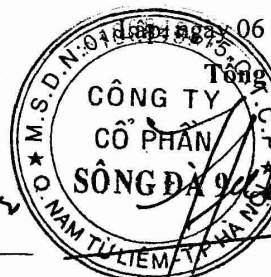
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	7.059.900
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	713.627.531.443	600.191.944.447
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(647.217.285.199)	(608.611.017.354)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(23.963.800.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>42.446.446.244</b>	<b>(8.412.013.007)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(4.696.264.913)</b>	<b>(31.663.701.998)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>74.142.156.698</b>	<b>105.805.858.696</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>69.445.891.785</b>	<b>74.142.156.698</b>

Người lập biểu

Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

Quách Mạnh Hải



06 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc

Trần Thế Quang

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, Thủy điện, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình; Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy điện, nhà máy xi măng.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu có trụ sở chính tại xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 901	86 Phạm Văn Đồng, Phường Hoa Lư, Thành phố Pleiku, Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 903	Bản Đốc - Xã Khoen On - Huyện Than Uyên - Lai Châu
Chi nhánh Sông Đà 905	Thôn Phiêng My, Xã Bản Liền, Huyện Bắc Hà, Lào Cai
Chi nhánh Sông Đà 908	Bản Noong Kiêng, Thị Trấn Nậm Nhùn, Huyện Nậm Nhùn, Lai Châu
Chi nhánh Sông Đà 910	Xóm 4 - Xã Hà Thượng - Huyện Đại Từ - Thái Nguyên
Ban Quản lý dự án Thủy điện Pake	Thôn Lù Di Sán - Xã Sán Chải - Huyện Si Ma Cai - Lào Cai

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác, được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh doanh} \\ \text{cuối kỳ của từng công} \\ \text{trình/hạng mục công trình} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng dở dang} \\ \text{cuối kỳ của công trình/} \\ \text{hạng mục công trình theo} \\ \text{kiểm kê thực tế} \end{array} \times (1 - \text{Tỷ lệ lãi định mức})$$

Trong đó, tỷ lệ lãi định mức được Công ty xác định là 10% (năm trước là 10%).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ xuất dùng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	6 -10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 – 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
Tài sản cố định khác	3 – 5 năm

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng, được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 3% trên giá trị hợp đồng (năm trước là 3%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

#### 13. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

CHẾ  
ĐỘ  
KẾ  
TOÁN  
TỔNG  
HỢP

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	385.375.224	1.276.489.802
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	69.060.516.561	72.865.666.896
<b>Cộng</b>	<b>69.445.891.785</b>	<b>74.142.156.698</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Đầu tư vào Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 10.710.000 cổ phiếu, tương đương 51,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu, không thay đổi so với số đầu năm.

Thông tin về khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	85.347.816.852		239.904.000.000	85.347.816.852		184.212.000.000

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà <sup>(i)</sup>	18.628.000.000	(16.765.200.000)	1.862.800.000	18.628.000.000	(15.274.960.000)	3.353.040.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 1 <sup>(i)</sup>	5.784.940.000	(5.221.440.000)	563.500.000	5.784.940.000	(5.466.440.000)	318.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội <sup>(i)</sup>	4.000.000.000	(3.720.000.000)	280.000.000	4.000.000.000	(3.600.000.000)	400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Vân Phong <sup>(i)</sup>	3.409.090.909	(1.826.716.180)		3.409.090.909	(1.325.549.697)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu kinh tế Hải Hà <sup>(i)</sup>	1.000.000.000			1.000.000.000		
Ngân hàng TMCP Quân đội <sup>(ii)</sup>				3.180.000.000	(1.041.192.001)	2.138.807.999
Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex <sup>(iii)</sup>				20.002.500.000		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2 <sup>(iii)</sup>				7.505.000.000	(4.503.000.000)	3.002.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.822.030.909</b>	<b>(27.533.356.180)</b>		<b>63.509.530.909</b>	<b>(31.211.141.698)</b>	



# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản đầu tư sau không thay đổi so với số đầu năm:

Tên Công ty	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	1.862.800	8,89%
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	245.000	4,90%
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	400.000	10,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Vân Phong	300.000	3,00%
<b>Tên Công ty</b>		<b>Số tiền</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu kinh tế Hải Hà (ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà)		1.000.000.000 VND

(ii) Các khoản đầu tư đã thanh lý toàn bộ trong năm bao gồm:

Tên Công ty	Số lượng cổ phiếu đã bán
Ngân hàng TMCP Quân đội	151.772
Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex	2.000.250
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2	750.500

### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	31.211.141.698	33.371.773.974
Trích lập dự phòng bổ sung	2.111.406.483	2.218.080.000
Hoàn nhập dự phòng	(5.789.192.001)	(4.378.712.276)
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.533.356.180</b>	<b>31.211.141.698</b>

### Giao dịch với công ty con

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con. Cùng kỳ năm trước Công ty chỉ phát sinh giao dịch hợp đồng xây dựng từ Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu là công ty con với số tiền là 229.430.620 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>461.935.997.129</b>	<b>428.438.396.684</b>
Tổng Công ty Sông Đà	390.597.797.193	365.657.860.565
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	290.025.738	304.181.691
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	866.882.908	1.475.220.451
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	126.598.947	7.252.884
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	41.569.962.560	29.676.811.238
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	499.608.792	834.900.900
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	2.952.036	
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	18.751.692.294	18.751.692.294
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	8.615.843.661	8.615.843.661
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	614.633.000	3.114.633.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>141.341.260.843</b>	<b>74.629.491.348</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>603.277.257.972</u></b>	<b><u>503.067.888.032</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<b>570.610.406</b>	<b>1.858.500.000</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	255.110.406	1.858.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	2.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	313.500.000	
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>15.789.577.506</b>	<b>10.330.910.093</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng & Dịch vụ Thương mại 457	1.940.879.260	1.940.879.260
Hội đồng bồi thường tái định cư huyện Xín Mần	6.850.000.000	
Các nhà cung cấp khác	6.998.698.246	8.390.030.833
<b>Cộng</b>	<b><u>16.360.187.912</u></b>	<b><u>12.189.410.093</u></b>

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Là khoản cho Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (bên liên quan) vay với thời hạn 12 tháng; lãi suất vay được tính theo thông báo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9, căn cứ trên lãi suất Công ty Cổ phần Sông Đà 9 vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

**6. Phải thu ngắn hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>10.257.728.421</b>		<b>8.749.206.973</b>	
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô - Tiền thuê văn phòng			80.800.832	
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	10.257.728.421		8.668.406.141	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>42.989.499.027(4.403.743.312)</b>		<b>38.517.219.454 (2.038.350.790)</b>	
Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN			830.300.193	
Các khoản ký quỹ, ký cược	5.237.778.267		119.930.000	
Tạm ứng	29.514.487.941		30.043.773.844	
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà - Tiền thuê văn phòng, thuê đất	3.375.669.603(2.362.968.722)		3.375.669.603	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.861.563.216(2.040.774.590)		4.147.545.814 (2.038.350.790)	
<b>Cộng</b>	<b><u>53.247.227.448(4.403.743.312)</u></b>		<b><u>47.266.426.427(2.038.350.790)</u></b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 6b. Phải thu ngắn hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn

#### 7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng đã trích lập	Giá gốc	Dự phòng đã trích lập
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>20.654.356.573</b>	<b>(20.654.356.573)</b>	<b>20.323.415.573</b>	<b>(19.904.999.321)</b>
Công ty Cổ phần Phát triển kỹ thuật xây dựng <sup>(i)</sup>	9.265.683.858	(9.265.683.858)	9.265.683.858	(9.265.683.858)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 <sup>(i)</sup>	1.463.289.775	(1.463.289.775)	1.463.289.775	(1.463.289.775)
Các khách hàng khác <sup>(i)</sup>	9.925.382.940	(9.925.382.940)	9.594.441.940	(9.176.025.688)
<b>Trả trước cho nhà cung cấp</b>	<b>3.491.336.780</b>	<b>(3.460.886.780)</b>	<b>3.109.836.780</b>	<b>(3.109.836.780)</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Thương mại dịch vụ 457 <sup>(i)</sup>	1.940.879.260	(1.940.879.260)	1.940.879.260	(1.940.879.260)
Các nhà cung cấp khác <sup>(i)</sup>	1.448.957.520	(1.448.957.520)	1.168.957.520	(1.168.957.520)
Các nhà cung cấp khác <sup>(ii)</sup>	101.500.000	(71.050.000)		
<b>Phải thu khác</b>	<b>5.416.444.193</b>	<b>(4.403.743.312)</b>	<b>2.038.350.790</b>	<b>(2.038.350.790)</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà <sup>(ii)</sup>	3.375.669.603	(2.362.968.722)	3.375.669.603	
Các khoản khác <sup>(i)</sup>	2.040.774.590	(2.040.774.590)	2.038.350.790	(2.038.350.790)
	<b>29.562.137.546</b>	<b>(28.518.986.665)</b>	<b>25.471.603.143</b>	<b>(25.053.186.891)</b>

(i) Khoản nợ quá hạn trên 3 năm

(ii) Khoản nợ quá hạn từ 2 - 3 năm

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Phải thu
Số đầu năm	25.053.186.891
Trích lập dự phòng bổ sung	3.465.799.774
Số cuối năm	<b>28.518.986.665</b>

#### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.172.762.630		23.880.893.918	
Công cụ, dụng cụ	369.345.703		547.830.279	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	191.940.532.709		260.544.737.998	
Công trình thủy điện Đắc Mi 2	13.069.893.591		22.689.414.565	
Công trình thủy điện XéKaMan 1	96.408.398.421		97.609.633.075	
Công trình thủy điện Namthuen 1	33.164.298.097		17.397.325.800	
Công trình thủy điện Huội Quảng	12.856.633.821		23.219.609.552	
Công trình khác	36.441.308.779		99.628.755.006	
<b>Cộng</b>	<b>216.482.641.042</b>		<b>284.973.462.195</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lán, trại		589.530.909
Công cụ, dụng cụ		4.545.311
<b>Cộng</b>		<b>594.076.220</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	3.503.546.540	2.303.721.875
Nhà điều hành, lán trại	1.908.208.922	
Chi phí bảo hiểm	132.355.259	529.421.051
Chi phí sửa chữa	1.780.827.420	
<b>Cộng</b>	<b>7.324.938.141</b>	<b>2.833.142.926</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	221.505.826.239	413.748.263.991	287.429.220.281	1.742.205.107	924.425.515.618
Mua trong năm		2.874.818.182		118.072.000	2.992.890.182
<b>Số cuối năm</b>	<b>221.505.826.239</b>	<b>416.623.082.173</b>	<b>287.429.220.281</b>	<b>1.860.277.107</b>	<b>927.418.405.800</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		238.252.938.514	193.173.001.020	1.330.341.470	432.756.281.004
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	61.911.826.725	315.520.379.831	233.272.180.826	1.581.056.596	612.285.443.978
Khấu hao trong năm	9.713.535.300	22.371.270.469	12.910.742.064	151.064.089	45.146.611.922
<b>Số cuối năm</b>	<b>71.625.362.025</b>	<b>337.891.650.300</b>	<b>246.182.922.890</b>	<b>1.732.120.685</b>	<b>657.432.055.900</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	159.593.999.514	98.227.884.160	54.157.039.455	161.148.511	312.140.071.640
<b>Số cuối năm</b>	<b>149.880.464.214</b>	<b>78.731.431.873</b>	<b>41.246.297.391</b>	<b>128.156.422</b>	<b>269.986.349.900</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng  
 Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 258.177.638.448 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.612.500.000	80.000.000	4.692.500.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.612.500.000</b>	<b>80.000.000</b>	<b>4.692.500.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		80.000.000	80.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm		80.000.000	80.000.000
<b>Số cuối năm</b>		<b>80.000.000</b>	<b>80.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	4.612.500.000		4.612.500.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.612.500.000</b>		<b>4.612.500.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định		2.992.890.182	(2.992.890.182)		
Xây dựng cơ bản dở dang	54.461.656.784	88.731.360.564			143.193.017.348
Công trình Thủy điện Ghềnh Chang - Sông Lô	333.553.802				333.553.802
Công trình Thủy điện Pake (*)	54.128.102.982	88.731.360.564			142.859.463.546
Sửa chữa lớn tài sản cố định	900.687.000	1.236.305.904		(2.136.992.904)	
<b>Cộng</b>	<b>55.362.343.784</b>	<b>92.960.556.650</b>	<b>(2.992.890.182)</b>	<b>(2.136.992.904)</b>	<b>143.193.017.348</b>

(\*) Công trình Thủy điện Pake được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dự án tại Ngân hàng.

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí khấu hao. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.208.360.932	1.034.350.482
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	174.010.450	174.010.450
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.382.371.382</b>	<b>1.208.360.932</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (Năm trước thuế suất là 20%).

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>5.552.491.352</b>	<b>8.146.256.501</b>
Tổng Công ty Sông Đà	109.662.222	
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		445.369.126
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	3.113.713.714	4.172.290.233
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	532.042.000	837.596.396
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	772.525.387	1.205.579.128
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	130.470.486	130.470.486
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	815.822.267	1.354.951.132
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà UCRIN	78.255.276	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>93.375.571.751</b>	<b>85.221.978.129</b>
<b>Cộng</b>	<b>98.928.063.103</b>	<b>93.368.234.630</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<b>260.000.000</b>	<b>21.188.758.991</b>
Tổng Công ty Sông Đà	260.000.000	1.864.595.193
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến		200.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5		19.124.163.798
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>10.972.666.936</b>	<b>10.888.305.998</b>
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita - Quảng Nam	4.657.803.283	8.491.305.998
Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang	6.247.049.235	
Các khách hàng khác	67.814.418	2.397.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.232.666.936</b>	<b>32.077.064.989</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.804.326.477		8.716.929.515	(14.608.017.902)	913.238.090	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.492.139.771		9.011.913.751	(9.497.989.782)	3.006.063.740	
Thuế thu nhập cá nhân	233.221.005		1.051.692.874	(1.193.281.324)	102.589.816	10.957.261
Thuế tài nguyên	1.918.379.136		3.358.663.924	(4.984.769.098)	292.273.962	
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	844.598.312		608.906.725	(1.491.206.249)		37.701.212
Các loại thuế khác	477.805		10.000.000	(10.477.805)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	347.526.624		204.460.509	(198.960.509)	353.026.624	
<b>Cộng</b>	<b>13.640.669.130</b>		<b>22.962.567.298</b>	<b>(31.984.702.669)</b>	<b>4.667.192.232</b>	<b>48.658.473</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.924.267.383	35.721.212.273
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	4.991.938.352	2.912.419.275
Thu nhập chịu thuế	55.916.205.735	38.633.631.548
Thu nhập được miễn thuế	(12.072.063.200)	(12.909.600.000)
Thu nhập tính thuế	43.844.142.535	25.724.031.548
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>8.768.828.507</b>	<b>5.144.806.310</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>243.085.244</b>	<b>82.075.200</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>9.011.913.751</b>	<b>5.226.881.510</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>4.173.954.448</b>	<b>5.829.726.351</b>
Chi phí dự án	1.496.016.247	1.496.016.247
Chi phí lãi vay phải trả	911.844.602	852.910.257
Chi phí công trình	1.409.330.472	2.840.222.183
Chi phí khác	356.763.127	640.577.664
<b>Cộng</b>	<b>4.173.954.448</b>	<b>5.829.726.351</b>

**18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>5.625.235.792</b>	<b>6.386.983.834</b>
Kinh phí công đoàn	239.043.486	443.476.477
Bảo hiểm xã hội	1.047.081.709	1.455.213.209
Bảo hiểm y tế	188.075.520	63.841.751
Bảo hiểm thất nghiệp	82.086.054	26.490.889
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (Nhận từ sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 901)	64.200.750	64.200.750
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	57.500.060
Các quỹ tự nguyện	2.316.570.020	2.971.967.507
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.638.178.253	1.304.293.251
<b>Cộng</b>	<b>5.625.235.792</b>	<b>6.386.983.834</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****18b. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn

**18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**19. Vay ngắn hạn/dài hạn****19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng<sup>(*)</sup></i>	<b>465.612.370.749</b>	<b>446.335.599.359</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	48.480.737.577	50.862.371.604
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	50.778.361.120	32.863.828.214
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai		16.142.734.252
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	130.590.856.375	97.654.318.142
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	33.024.864.929	79.988.108.896
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	92.599.903.685	75.417.916.134
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	2.032.414.969	2.279.144.400
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		10.142.562.959
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Thăng Long		28.780.689.015
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex- Chi nhánh Hà Nội	108.105.232.094	52.203.925.743
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	<b>2.669.925.435</b>	<b>3.130.968.307</b>
Vay Người lao động trong Công ty	2.669.925.435	3.130.968.307
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	<b>32.502.000.000</b>	<b>38.988.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	22.000.000.000	22.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	7.514.000.000	14.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	1.760.000.000	1.760.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	1.228.000.000	1.228.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>500.784.296.184</u></b>	<b><u>488.454.567.666</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(\*) Là các khoản vay ngắn hạn các Ngân hàng Thương mại, có thời gian từ 01 tháng đến 10 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Một số khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số TSCĐ của công ty (xem thuyết minh V. 10)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Lãi nhập gốc	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	446.335.599.359	626.897.251.523			(607.620.480.133)	465.612.370.749
Vay cá nhân	3.130.968.307			147.762.194	(608.805.066)	2.669.925.435
Vay dài hạn đến hạn trả	38.988.000.000		32.502.000.000		(38.988.000.000)	32.502.000.000
<b>Cộng</b>	<b>488.454.567.666</b>	<b>626.897.251.523</b>	<b>32.502.000.000</b>	<b>147.762.194</b>	<b>(647.217.285.199)</b>	<b>500.784.296.184</b>

**19b. Vay dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<b>143.315.652.957</b>	<b>89.087.373.037</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây <sup>(i)</sup>	52.592.462.958	74.592.462.958
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung		7.514.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Tĩnh <sup>(ii)</sup>	430.000.000	2.190.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hoàng Mai <sup>(iii)</sup>	90.293.189.999	4.790.910.079
<b>Cộng</b>	<b>143.315.652.957</b>	<b>89.087.373.037</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây để đầu tư cho dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Khánh tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai với lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 11 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 2 năm. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay dự án thủy điện Nậm Khánh.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Tĩnh để đầu tư thiết bị thi công bê tông đầm lăn công trình Thủy điện Xêkaman 1 với lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hoàng Mai để thực hiện 02 dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị phục vụ thi công 2015" và "Xây dựng nhà máy Thủy điện Pake" với lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ, thời hạn vay của 02 dự án lần lượt là 60 tháng và 168 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay dự án.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	32.502.000.000	38.988.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	143.315.652.957	88.301.462.958
Trên 5 năm		785.910.079
<b>Cộng</b>	<b>175.817.652.957</b>	<b>128.075.373.037</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Số đầu năm	89.087.373.037
Số tiền vay phát sinh	86.730.279.920
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(32.502.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>143.315.652.957</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**19c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**20. Dự phòng phải trả dài hạn**

Là khoản Dự phòng bảo hành xây dựng công trình Mông Dương.

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	5.589.232.471	2.146.783.892	(6.202.700.000)	1.533.316.363
Quỹ phúc lợi	3.124.211.131	920.050.229	(995.749.678)	3.048.511.682
<b>Cộng</b>	<b>8.713.443.602</b>	<b>3.066.834.121</b>	<b>(7.198.449.678)</b>	<b>4.581.828.045</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn Cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	305.663.000.000	21.400.639.679	199.693.130.735	72.187.242.649	598.944.013.063
Lợi nhuận trong năm trước				30.668.341.213	30.668.341.213
Trích lập các quỹ			10.732.132.092	(16.098.198.138)	(5.366.066.046)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	36.677.000.000	69.900		(36.670.010.000)	7.059.900
Chi khác				(288.000.000)	(288.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>342.340.000.000</b>	<b>21.400.709.579</b>	<b>210.425.262.827</b>	<b>49.799.375.724</b>	<b>623.965.348.130</b>
Số dư đầu năm nay	342.340.000.000	21.400.709.579	210.425.262.827	49.799.375.724	623.965.348.130
Lợi nhuận trong năm nay				42.329.449.326	42.329.449.326
Trích lập các quỹ			3.066.834.121	(6.133.668.242)	(3.066.834.121)
Chia cổ tức bằng tiền				(23.963.800.000)	(23.963.800.000)
Thù lao HĐQT, BKS				(59.681.200)	(59.681.200)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>342.340.000.000</b>	<b>21.400.709.579</b>	<b>213.492.096.948</b>	<b>61.971.675.608</b>	<b>639.204.482.135</b>

**22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Sông Đà	200.269.440.000	200.269.440.000
Các cổ đông khác	142.070.560.000	142.070.560.000
<b>Cộng</b>	<b>342.340.000.000</b>	<b>342.340.000.000</b>

**22c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	34.234.000	34.234.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.234.000	34.234.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.234.000	34.234.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017 BB-SD9-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	3.066.834.121
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.066.834.121
• Thù lao HĐQT, BKS	59.681.200
• Chia cổ tức	23.963.800.000

#### 23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	457.188,56	532,76
Euro (EUR)	8,68	18,27

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	45.737.923.862	41.307.491.130
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	2.762.594.230	10.599.255.963
Doanh thu hợp đồng xây dựng	572.133.081.830	383.951.894.934
<b>Cộng</b>	<b>620.633.599.922</b>	<b>435.858.642.027</b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	25.812.556.985	28.056.622.813
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	464.582.325	9.650.075.577
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	484.119.699.408	303.268.268.585
<b>Cộng</b>	<b>510.396.838.718</b>	<b>340.974.966.975</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.844.745.985	1.913.848.112
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.072.063.200	12.909.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	47.172.105	174.048.406
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	64.827.169	
Lãi thanh lý khoản đầu tư dài hạn khác	21.614.236.400	
Doanh thu hoạt động tài chính khác		8.781.373.729
<b>Cộng</b>	<b>35.643.044.859</b>	<b>23.778.870.247</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	47.216.011.113	45.203.022.598
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	211.176.141	162.284.695
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	(3.677.785.518)	(2.160.632.276)
Chi phí tài chính khác	160.069.430	1.471.087.954
<b>Cộng</b>	<b><u>43.909.471.166</u></b>	<b><u>44.675.762.971</u></b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	29.270.842.821	25.108.124.562
Chi phí vật liệu quản lý	1.876.921.146	2.445.298.862
Chi phí đồ dùng văn phòng	786.672.654	625.999.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.663.561.957	4.055.576.092
Thuế, phí và lệ phí	1.956.895.321	1.982.789.540
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	3.465.799.774	(8.599.300)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.486.639.140	2.170.876.229
Các chi phí khác	9.580.599.940	11.523.817.265
<b>Cộng</b>	<b><u>53.087.932.753</u></b>	<b><u>47.903.882.550</u></b>

**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		8.456.867.038
Thu nhập từ tiền giảm phát thải	3.785.084.450	2.795.600.416
Thu nhập từ giảm trích trước chi phí công trình		1.023.999.575
Thu nhập từ tiền bồi thường bảo hiểm công trình		663.043.749
Thu nhập khác	531.232.168	787.177.287
<b>Cộng</b>	<b><u>4.316.316.618</u></b>	<b><u>13.726.688.065</u></b>

**7. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản phạt, truy thu thuế	725.541.234	2.595.880.505
Chi phí chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải	1.233.316.522	876.880.072
Chi phí khác	315.593.623	615.614.993
<b>Cộng</b>	<b><u>2.274.451.379</u></b>	<b><u>4.088.375.570</u></b>

**8. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 9. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.126.199.564	128.111.506.429
Chi phí nhân công	93.344.340.022	64.597.783.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.146.611.922	56.304.186.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.769.165.064	82.121.091.908
Chi phí khác	84.980.780.754	81.434.152.904
<b>Cộng</b>	<b><u>422.367.097.326</u></b>	<b><u>412.568.721.792</u></b>

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

##### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi vay nhập gốc	147.762.194	

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương, thù lao với tổng tiền lương, thù lao trong năm là 1.669.056.000 VND (cùng kỳ năm trước là 1.042.651.403 VND).

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

#### **Bên liên quan khác**

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Công ty con gián tiếp
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Thành viên Tổng công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Thành viên Tổng công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Thành viên Tổng công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Thành viên Tổng công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Thành viên Tổng công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Thành viên Tổng công ty
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Thành viên Tổng công ty
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Thành viên Tổng công ty
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Thành viên Tổng công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	Thành viên Tổng công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Thành viên Tổng công ty
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Thành viên Tổng công ty
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	Thành viên Tổng công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Thành viên Tổng công ty
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin	Thành viên Tổng công ty

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác không phải công ty con như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b><i>Doanh thu xây lắp, bán hàng hóa, dịch vụ</i></b>		
Tổng Công ty Sông Đà	91.783.122.392	65.024.334.688
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	73.792.447	73.455.303
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	80.446.280	1.080.218.203
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	513.377.445	124.765.434
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	328.908.718.105	152.753.545.012
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	179.442.000	114.271.410
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	161.340.228	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	3.256.796.038	10.536.638.176
<b><i>Giá trị xây lắp hoàn thành, mua hàng hóa, dịch vụ</i></b>		
Tổng Công ty Sông Đà	1.541.803.261	2.494.232.969
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	888.783.823	67.578.688
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	34.381.920.359	23.560.135.326
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	161.340.228	607.485.922
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	39.156.123	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	9.313.461.991	

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh: xây lắp.
- Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Các lĩnh vực			
	Xây lắp	Sản xuất điện	khác	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	572.133.081.830	45.737.923.862	2.762.594.230	620.633.599.922
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>572.133.081.830</b>	<b>45.737.923.862</b>	<b>2.762.594.230</b>	<b>620.633.599.922</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	88.013.382.422	19.925.366.877	2.298.011.905	110.236.761.204
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(53.087.932.753)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				57.148.828.451
Doanh thu hoạt động tài chính				35.643.044.859
Chi phí tài chính				(43.909.471.166)
Thu nhập khác				4.316.316.618
Chi phí khác				(2.274.451.379)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(8.768.828.507)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				174.010.450
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>42.329.449.326</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>12.541.241.841</b>	<b>88.731.360.564</b>	<b>60.556.474</b>	<b>101.333.158.879</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>32.241.601.950</b>	<b>17.806.944.342</b>	<b>155.681.373</b>	<b>50.204.227.665</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Xây lắp	Sản xuất điện	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	383.951.894.934	41.307.491.130	10.599.255.963	435.858.642.027
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>383.951.894.934</b>	<b>41.307.491.130</b>	<b>10.599.255.963</b>	<b>435.858.642.027</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	80.683.626.349	13.250.868.317	949.180.386	94.883.675.052
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(47.903.882.550)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				46.979.792.502
Doanh thu hoạt động tài chính				23.778.870.247
Chi phí tài chính				(44.675.762.971)
Thu nhập khác				13.726.688.065
Chi phí khác				(4.088.375.570)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(5.226.881.510)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				174.010.450
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>30.668.341.213</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>11.823.098.858</b>	<b>54.128.102.982</b>	<b>326.384.770</b>	<b>66.277.586.610</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>31.392.835.979</b>	<b>24.868.463.821</b>	<b>866.620.815</b>	<b>57.127.920.615</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				
<b>Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:</b>				
	Xây lắp	Sản xuất điện	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	983.217.519.430	395.226.107.408	4.747.551.107	1.383.191.177.945
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				94.208.004.691
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.477.399.182.636</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	260.582.371.179	395.226.107.408	1.258.244.590	657.066.723.177
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				4.581.828.045
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>661.648.551.222</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Xây lắp	Sản xuất điện	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	964.121.103.260	296.447.754.000	26.615.225.729	1.287.184.082.989
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				121.043.708.723
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.408.227.791.712</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	462.656.795.927	300.120.245.201	12.771.958.852	775.548.999.980
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				8.713.443.602
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>784.262.443.582</b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 06 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

The seal is circular with the text: "M.S.D.N. 0108845515-C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9 Q. NAM TÚ LIÊM, TP. HÀ NỘI".

Phùng Thị Minh Nghĩa

Quách Mạnh Hải

Trần Thế Quang